**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**-----🙞🙜🕮🙞🙜-----**



**MÔ TẢ YÊU CẦU**

***Đề tài***

**APP XEM THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN CAO THẮNG**

**Giảng viên: Thầy Lữu Cao Tiến**

**Sinh viên thực hiện:**

1. **Nguyễn Duy Khang - 0306181235**

**LỚP: CĐTH18PMC**



**TP. HỒ CHÍ MINH, ngày tháng năm 2022**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC BẢNG**

**VERSION**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Lý do** | **Thời gian** | **Version** |
|  |  |  |  |  |

**Phần 1: GIỚI THIỆU**

* 1. **Phạm vi ảnh hưởng**

Người sử dụng app thông tin sinh viên gồm sinh viên, giáo viên, người quản lý thông tin.

* 1. **Người tham gia**

Giáo viên giảng dạy: thầy Cao Tiến Lữu.

Sinh viên thực hiện đồ án môn học: Nguyễn Duy Khang, Long, Vinh/Duy

NgườI dùng app: sinh viên muốn tìm kiếm tin tức, ngườI quản lý thông tin được đưa lên.

**Phần 2: MÔ TẢ CHỨC NĂNG**

**2.1 Phi chức năng**

Thông báo khi nhập sai thông tin tìm kiếm, đăng nhập, đăng ký, đổi mật khẩu, cập nhật thông tin.

**2.2 Chức năng**

Đăng nhập, đăng ký, đăng xuất, đổi mật khẩu, đổ avatar, cập nhật thông tin, tìm kiếm thông tin theo từ khóa, tìm kiếm thông tin theo thời gian đăng bài, xem thông tin chi tiết của phòng, khoa, câu lạc bộ, bàI viết yêu thích.

**Phần 3: USE CASE MÔ TẢ CHỨC NĂNG**

Bảng Use case:

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC01*** |
| **Tên usecase** | Đăng nhập |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết, lễ tân, kế toán, quản lí, bộ phận kinh doanh |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả các bước đăng nhập vào hệ thống |
| **ĐK kiên quyết** |  |
| **Kết quả** | Actor đăng nhập vào hệ thống |
| **Kịch bản chính** | +Actor chọn chức năng “đăng nhập”.  +Hệ thống yêu cầu actor cung cấp thông tin đăng nhập gồm tên và mật khẩu.  +Actor nhập xong và click vào nút “Đăng nhập”.  +Hệ thống kiểm tra lại thông tin đăng nhập và thông báo cho actor. Nếu đăng nhập thành công thì hệ thống sẽ dựa trên thông tin đăng nhập đồng thời phân quyền tùy theo loại tài khoảng của actor. Nếu đăng nhập thất bại thì hệ thống sẽ gửi thông báo và yêu cầu người dùng nhập lại |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC02*** |
| **Tên usecase** | Đăng xuất |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết, lễ tân, kế toán, quản lí, bộ phận kinh doanh |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả các bước đăng xuất ra khỏi hệ thống |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Actor đăng xuất ra khỏi hệ thống |
| **Kịch bản chính** | +Actor chọn chức năng “đăng xuất”.  +Hệ thống yêu cầu xác nhận từ actor.  +Actor xác nhận đăng xuất.  +Hệ thống đăng xuất tài khoản actor ra khỏi hệ thống. Nếu actor không xác nhận thì hệ thống sẽ giữ nguyên hiện trạng. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC03*** |
| **Tên usecase** | Đổi mật khẩu |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết, lễ tân, kế toán, quản lí, bộ phận kinh doanh |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả các bước thay đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Actor thay đổi mật khẩu đăng nhập vào hệ thống |
| **Kịch bản chính** | +Actor chọn chức năng “thay đổi mật khẩu”.  +Hệ thống yêu cầu actor nhập lại mật khẩu đăng nhập cũ.  +Actor nhập mật khẩu cũ vào hệ thống.  +Hệ thống sẽ kiểm tra mật khẩu cũ và thông báo cho actor. |
| **Kịch bản phụ** | ---TH1: Nếu actor nhập đúng mật khẩu cũ:  \*Hệ thống sẽ thông báo và cho phép actor nhập mật khẩu mới cần thay đổi.  \*Actor nhập vào mật khẩu mới vào hệ thống.  ---TH2: Nếu actor nhập sai mật khẩu cũ: hệ thống sẽ thông báo và yêu cầu actor nhập lại mật khẩu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC04*** |
| **Tên usecase** | Đặt phòng |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả các bước đặt phòng của khách sạn. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Khách hàng đặt được phòng khách sạn |
| **Kịch bản chính** | +Khách hàng chọn chức năng “đặt phòng”.  +Hệ thống yêu cầu khách hàng nhập thông tin bao gồm: họ tên, số CMND, địa chỉ, SĐT, ngày nhận phòng, ngày trả phòng.  +KH nhập thông tin vao hệ thống.  +Hệ thống tự động kiểm tra thông tin phòng ngày mà KH yêu cầu đồng thời lọc danh sách các phòng và các loại phòng tương ứng mà KH có thể thuê vào ngày đó. |
| **Kịch bản phụ** | ---TH1: Còn loại phòng mà KH yêu cầu.  \*Hệ thống sẽ chọn phòng theo yêu cầu của KH đã đặt.  \*KH click vào nút “Đăng kí” để hoàn tất việc đặt phòng.  \*Hệ thống sẽ kiểm tra dữ liệu KH vừu nhập vào lưu thông tin đặt phòng của khách. Nếu thông tin KH đã tồn tại thì hệ thống sẽ không lưu thông tin KH mà chỉ lưu thông tin đặt phòng.  ---TH2: Hết loại phòng mà KH yêu cầu.  \*Hệ thống sẽ thông báo hết loại phòng đã chọn và thông báo cho KH loại phòng hoặc thời gian khác.  \*KH sẽ chọn loại phòng hoặc thời gian khác. Nếu KH không còn nhu cầu thì hủy phiếu đăng ký. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC05*** |
| **Tên usecase** | Tra cứu phòng |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết, lễ tân |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả quá trình khách hàng và lễ tân tra cứu và xem tình trạng của phòng (còn phòng hay hết phòng) từ đó để khách hàng đưa ra quyết định đặt phòng. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống. |
| **Kết quả** | Khách hàng hoặc lễ tân xem được tình trạng của phòng cần tra cứu. |
| **Kịch bản chính** | +KH hoặc lễ tân chọn chức năng “tra cứu phòng”.  +Hệ thống sẽ cho actor chọn loại phòng và thời gian đặt phòng của phòng cần tra cứu.  +KH hoặc lễ tân sẽ nhập thông tin của phòng cần tra cứu.  +Hệ thống sẽ kiểm tra tình trạng của phòng( còn phòng hay hết phòng) sau đó thông báo cho KH hoặc lễ tân. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC06*** |
| **Tên usecase** | Kiểm tra tình trạng phòng |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết, lễ tân |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả quá trình kiểm tra tình trạng phòng khi tác nhân chọn tính năng “đặt phòng” hoặc “thuê phòng.” |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống. |
| **Kết quả** | Kết quả về tình trạng phòng được gửi cho KH hoặc lễ tân. |
| **Kịch bản chính** | +Actor chọn chức năng “đặt phòng” hoặc “thuê phòng”  +Hệ thống sẽ kiểm tra và gửi thông tin phản hồi về tình trạng của phòng cho KH hoặc lễ tân. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC07*** |
| **Tên usecase** | Chỉnh sửa thông tin đặt phòng |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả quá trình KH chỉnh sửa lại thông tin đặt phòng như ngày đặt, loại phòng, số lượng phòng trong trường hợp KH nhập sai hoặc có nhu cầu phát sinh sau khi đặt phòng hoàn tất. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Thông tin đặt phòng của KH được chỉnh sửa và cập nhật. |
| **Kịch bản chính** | +KH chọn tính năng “Chỉnh sửa thông tin đặt phòng”.  +Hệ thống sẽ hiển thị và cho người dùng chọn những tính năng mà người dùng muốn chỉnh sửa.  +KH chọn và chỉnh sủa lại thông tin. Sau đó click xác nhận vào nút “chỉnh sửa”.  +Hệ thống sẽ lưu trữ thông tin mới mà KH vừa chỉnh sửa sau đó thông báo cho KH. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC08*** |
| **Tên usecase** | Thêm thông tin đặt phòng |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết. |
| **Tóm** **tắt** | Có thể được thực hiện khi tính năng “chỉnh sửa thông tin đặt phòng” được chọn. Use case mô tả quá trình thêm thông tin như ngày đặt phòng, loại phòng, số lượng phòng. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống. |
| **Kết quả** | Thông tin đặt phòng của KH được bổ sung thêm . |
| **Kịch bản chính** | +KH chọn tính năng “thêm thông tin phòng”.  +Hệ thống sẽ hiển thi các thông tin như ngày đặt phòng, loại phòng, số lượng phòng để KH tiến hành thêm.  +KH chọn và thêm thông tin đặt phòng vào hệ thống sau đó KH click vào nút “Thêm”.  +Hệ thống sẽ thêm và gửi về thông báo cho KH. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC09*** |
| **Tên usecase** | Xóa thông tin đặt phòng |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết. |
| **Tóm** **tắt** | Có thể được thực hiện khi tính năng “chỉnh sửa thông tin đặt phòng” được chọn. Use case mô tả quá trình xóa thông tin như ngày đặt phòng, loại phòng, số lượng phòng. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Thông tin đặt phòng của KH xóa bớt đi |
| **Kịch bản chính** | +KH chọn tính năng “xóa thông tin phòng”.  +Hệ thống sẽ hiển thi các thông tin như ngày đặt phòng, loại phòng, số lượng phòng để KH tiến hành thêm.  +KH chọn và xóa thông tin đặt phòng vào hệ thống sau đó KH click vào nút “Xóa”.  +Hệ thống sẽ xóa và gửi về thông báo cho KH. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC10*** |
| **Tên usecase** | Thanh toán |
| **Tác nhân** | Khách hàng, khách hàng thân thiết. |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả quá trình KH thanh toán sau khi đặt phòng hoặc sử dụng các dịch vụ của khách sạn. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | KH thanh toán tiền thuê phòng và các dịch vụ cho khách sạn. |
| **Kịch bản chính** | +KH chọn tính năng “thanh toán”  +Hệ thống sẽ yêu cầu người dùng nhập số tài khoản thanh toán.  +Người dùng nhập số tài khoản thanh toán.  +Hệ thống sẽ kiểm tra tài khoản và gửi thông báo cho KH. |
| **Kịch bản phụ** | ---TH1: Nếu tài khoản hợp lệ và số dư trong tài khoản bằng hoặc lớn hơn giá trị hóa đơn.  \*Hệ thống sẽ tiến hành thanh toán và gửi lại thông báo cho KH  ---TH2: Nếu tài khoản không hợp lệ  \*Hệ thống sẽ thông báo và yêu cầu cho KH nhập lại.  ---TH3: Nếu số dư trong tài khoản nhỏ hơn giá trị hóa đơn.  \*Hệ thống sẽ không thực hiện chức năng thanh toán và thông báo lại cho KH. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC011*** |
| **Tên usecase** | Xem thông tin ưu đãi |
| **Tác nhân** | Khách hàng thân thiết. |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả quá trình KH thân thiết tìm và xem các thông tin ưu đãi dành riêng cho KH để KH thân thiết sử dụng. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Hiển thị các ưu đãi dành riêng cho khách hàng thân thiết xem |
| **Kịch bản chính** | +KHTT chọn tính năng “Xem thông tin ưu đãi”  +Hệ thống sẽ tìm kiếm và hiển thị thông tin ưu đãi. |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC012*** |
| **Tên usecase** | Thuê phòng đặt trước |
| **Tác nhân** | Tiếp tân |
| **Tóm** **tắt** | Use case mô tả quá trình tiếp tân tiếp nhận khách thuê dã đặt phòng trước. Thông tin đặt trước của KH được kiểm tra và xác nhận lại trước khi KH tiến hành nhận phòng |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống |
| **Kết quả** | Thông tin đặt trước của KH được kiểm tra và xác nhận |
| **Kịch bản chính** | +Lễ tân chọn chức năng “Thuê phòng đặt trước”  + Hệ thống sẽ tìm kiếm thông tin đặt phòng trước của khách hàng đến nhận phòng và thông báo cho lễ tân |
| **Kịch bản phụ** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase ID** | ***UC013*** |
| **Tên usecase** | Tìm thông tin đặt phòng |
| **Tác nhân** | Tiếp tân |
| **Tóm** **tắt** | Use case được thực hiện khi tiếp tân chọn chức năng “Thuê phòng đặt trước”. Use case mô tả quá trình tiếp tân tìm thông tin đặt phòng từ trước của KH. |
| **ĐK kiên quyết** | Actor phải đăng nhập tài khoản vào hệ thống. |
| **Kết quả** | Thông tin đặt phòng được hiển thị cho tân . |
| **Kịch bản chính** | +Hệ thống sẽ tìm kiếm thông tin đặt phòng trước của khách hàng đến nhận phòng và thông báo cho lễ tân |